

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang

Căn cứ Quyết định số 1848/QĐ-TTg ngày 19/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang.

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Quyết định 1679/QĐ-TTg ngày 21/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

- Quyết định 1848/QĐ-TTg ngày 19/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030.

- Quyết định số 1347/QĐ-BYT ngày 22/02/2021 của Bộ Y tế ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030.

- Kế hoạch số 188/KH-UBND ngày 13/11/2025 Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 15/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ thực hiện Kết luận số 149-KL/TW, ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 21-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn tỉnh An Giang; bảo đảm người dân được tiếp cận đầy đủ, thuận tiện, an toàn và có chất lượng các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, góp phần thực hiện hiệu quả Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030; đồng thời giải quyết toàn diện các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố và nâng cao chất lượng dân số.

2. Mục tiêu cụ thể

- Trên 95% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai (BPTT) hiện đại, hỗ trợ sinh sản, dự phòng vô sinh tại cộng đồng; duy trì tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ sử dụng BPTT hiện đại 65% đến năm 2030 và giảm 2/3 số vị thành niên, thanh niên (VTN, TN) có thai ngoài ý muốn;

- 75% cơ sở cung cấp dịch vụ KHHGD đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định, bao gồm cả khu vực ngoài công lập vào năm 2026, đạt 90% năm 2030;
- Duy trì 100% cấp xã tiếp tục triển khai cung ứng các BPTT phi lâm sàng thông qua đội ngũ cộng tác viên DS-KHHGD, nhân viên y tế khu phố, ấp đến năm 2030;
- Duy trì 100% cấp xã có cơ sở y tế cung cấp dịch vụ KHHGD, thực hiện các BPTT lâm sàng;
- Trên 95% cấp xã thường xuyên tổ chức tuyên truyền, vận động người dân thực hiện KHHGD, sử dụng BPTT; hệ lụy của phá thai, nhất là đối với VTN, TN vào năm 2026 và duy trì đến năm 2030.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tham mưu tổ chức triển khai thực hiện cơ chế chính sách về cung cấp PTTT, dịch vụ KHHGD của Trung ương chỉ đạo thực hiện.

- Tham mưu triển khai thực hiện các chính sách, quyết định, kế hoạch, văn bản chỉ đạo thực hiện Chương trình của Trung ương, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị nhằm đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng PTTT, dịch vụ KHHGD; đồng thời có biện pháp điều chỉnh kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tiễn trong từng giai đoạn.
- Tham gia thử nghiệm, phổ biến các kỹ thuật mới, hiện đại nâng cao chất lượng dịch vụ KHHGD theo các văn bản hướng dẫn của Cục Dân số và các văn bản pháp luật quy định.

2. Tuyên truyền, vận động thay đổi hành vi

- Định kỳ cung cấp thông tin, vận động cấp ủy, chính quyền các cấp tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và hỗ trợ nguồn lực; vận động các tổ chức, cá nhân tham gia xã hội hóa cung ứng phương tiện tránh thai, dịch vụ KHHGD.
- Đa dạng hóa các loại hình truyền thông, chú trọng kênh thông tin đại chúng; các sản phẩm truyền thông phù hợp với từng vùng miền, địa phương. Tăng cường áp dụng công nghệ hiện đại như: internet, mạng xã hội,... trong công tác tuyên truyền, vận động về KHHGD; lồng ghép với các hoạt động truyền thông của các Chương trình, Kế hoạch khác.
- Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới và giới tính trong nhà trường phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi.
- Tăng cường tư vấn trước, trong và sau khi sử dụng dịch vụ tại các cơ sở cung cấp dịch vụ KHHGD. Tư vấn tại cộng đồng về tình dục an toàn, hệ lụy của phá thai, hỗ trợ sinh sản, dự phòng vô sinh.

3. Phát huy mạng lưới dịch vụ KHHGD

- củng cố mạng lưới cung cấp dịch vụ KHHGD ở các cấp; đầu tư, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở cung cấp dịch vụ KHHGD; ưu tiên đầu tư cho những địa bàn vùng sâu, vùng xa.

- Đào tạo, đào tạo liên tục cho người cung cấp dịch vụ KHHGD, thực hiện BPTT; tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng tư vấn, theo dõi, quản lý đối tượng và cung cấp BPTT phi lâm sàng tại cộng đồng. Bồi dưỡng kỹ năng truyền thông và tư vấn cho cộng tác viên dân số.

- Mở rộng các hình thức cung cấp PTTT, dịch vụ KHHGD tại các cơ sở y tế trong và ngoài công lập; ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ KHHGD; thí điểm mô hình cung cấp dịch vụ phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng địa bàn.

- Thí điểm mô hình hỗ trợ sinh sản, dự phòng, tầm soát vô sinh cho nhóm dân số trẻ; can thiệp, điều trị sớm một số nguyên nhân dẫn đến vô sinh.

- Hoàn thiện, nâng cao chất lượng hệ thống tin quản lý hậu cần phương tiện tránh thai và cung cấp dịch vụ KHHGD (LMIS).

- Kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định về công tác KHHGD; cơ sở cung cấp dịch vụ KHHGD.

4. Đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ KHHGD

Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia chương trình; huy động toàn bộ hệ thống y tế, dân số tham gia thực hiện chương trình theo chức năng, nhiệm vụ được giao; ưu tiên bảo đảm hoạt động ở tuyến cơ sở.

5. Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

Chủ động, tích cực hội nhập, tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực KHHGD để tạo sự đồng thuận, ủng hộ và tranh thủ hỗ trợ kỹ thuật của các tổ chức quốc tế; đẩy mạnh hợp tác kỹ thuật, đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, hợp tác liên doanh, liên kết trong nước và nước ngoài.

6. Tăng cường kiểm tra, giám sát

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình tại địa phương.
- Định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch.
- Kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Chương trình bao gồm

- Ngân sách nhà nước bảo đảm theo khả năng cân đối và theo phân cấp ngân sách hiện hành, được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị, địa phương, lồng ghép trong các chương trình, dự án, kế hoạch khác có liên quan theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

- Nguồn tài trợ, viện trợ và huy động từ xã hội, cộng đồng, các nguồn hợp pháp khác.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương lập dự toán ngân sách hàng năm trong dự toán chung của cơ quan, đơn vị mình để thực hiện Kế hoạch và quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương và các đoàn thể liên quan tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn triển khai nội dung của Kế hoạch trên địa bàn tỉnh; giám sát thực hiện các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật bảo đảm chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch. Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị y tế trên địa bàn tỉnh triển khai các hoạt động theo Kế hoạch.

- Lồng ghép thực hiện các chương trình, kế hoạch có liên quan phù hợp để huy động nguồn lực, phát triển mạng lưới dịch vụ KHHGD.

- Kiểm tra, đánh giá; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch, báo cáo Bộ Y tế và UBND tỉnh theo quy định.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo: Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành, đơn vị liên quan triển khai thực hiện các hoạt động giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới và giới tính trong nhà trường phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi theo định hướng của Kế hoạch.

3. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các ngành liên quan cân đối, bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

4. Sở Dân tộc và Tôn giáo: Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành, đơn vị liên quan triển khai các chương trình, đề án, dự án về củng cố, nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

5. Sở Văn hóa và Thể thao: Phối hợp với Sở Y tế và các Sở, ban, ngành liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở đẩy mạnh công tác truyền thông, tăng cường thời lượng, tin bài, xây dựng chuyên trang chuyên mục về các nội dung nâng cao chất lượng dân số SKSS/KHHGD. Đổi mới các hình thức truyền thông tăng cường ứng dụng truyền thông hiện đại, mạng xã hội nhằm nâng cao chất lượng công tác thông tin tuyên truyền để người dân được tiếp cận kịp thời với các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác dân số trong tình hình mới.

6. Báo và Phát thanh - Truyền hình: Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế tăng cường tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, xây dựng chuyên trang, chuyên mục, thường xuyên, liên tục tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, kiến thức cho người dân về chăm sóc SKSS/KHHGD, nâng cao chất lượng dân số.

7. Các sở, ngành liên quan: Phối hợp với Sở Y tế tham gia thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ Kế hoạch thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ đã được giao; chỉ đạo lồng ghép các nội dung tuyên truyền về dân số, chăm sóc SKSS/KHHGD vào kế hoạch hoạt động của từng cơ quan, đơn vị.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Chỉ đạo các tổ chức đoàn thể tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, tham gia triển khai và giám sát việc thực hiện kế hoạch.

9. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

- Căn cứ Kế hoạch thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh An Giang, chủ động xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện tại địa phương.

- Chủ động bố trí bổ sung kinh phí và huy động nguồn lực để thực hiện và nâng cao chất lượng dịch vụ KHHGĐ, đẩy mạnh xã hội hóa các loại hình cung cấp dịch vụ phù hợp với điều kiện của địa phương; tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai, phát huy vai trò của thành viên Ban Chỉ đạo công tác dân số và phát triển các cấp trong việc thực hiện các mục tiêu, nâng cao chất lượng đáp ứng dịch vụ KHHGĐ tại địa phương.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình giai đoạn 2026 - 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, địa phương căn cứ vào nhiệm vụ được giao nghiêm túc triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- TT: TU, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN tỉnh;
và các tổ chức thành viên;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Phòng: KGVX, TH;
- Lưu: VT, vttrung.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Minh Thúy